

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

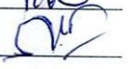
Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyến

Ngày thi: 31/03/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006			5,2	Năm, hai	C26TC	
2	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000			6,2	Sáu, hai	C26KT	
3	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006			6,5	Sáu, năm	C26TC	
4	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004			6,0	Sáu	C25LG2	
5	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006			6,5	Sáu, năm	C26KT	
6	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996			9,2	Chín, hai	C26KT	
7	2410110001	Fa Ti Hách	16/8/2001			8,0	Tám	C26KT	
8	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004			5,5	Năm, năm	C26KT	
9	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006			5,5	Năm, năm	C26TC	
10	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006			4,5	Bốn, năm	C26TC	
11	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006			8,0	Tám	C26KT	
12	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006			5,2	Năm, hai	C26KT	
13	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006			5,8	Năm, tám	C26TC	
14	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006			6,0	Sáu	C26KT	
15	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003			6,8	Sáu, tám	C26TC	
16	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006			5,8	Năm, tám	C26TC	
17	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006			5,2	Năm, hai	C26TC	
18	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005			5,5	Năm, năm	C25LG1	
19	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005			6,8	Sáu, tám	C26KT	
20	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006			4,0	Bốn	C26KT	
21	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006			5,5	Năm, năm	C26TC	
22	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/6/2006			3,8	Ba, tám	C26KT	
23	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003			4,8	Bốn, tám	C24TC1	
24	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005			4,8	Bốn, tám	C25LG1	
25	2410120030	Vi Thị Ngọc	15/03/1995			3,5	Ba, năm	C26TC	
26	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000			4,0	Bốn	C26TC	
27	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006			5,5	Năm, năm	C26KT	
28	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006			6,0	Sáu	C26TC	
29	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006			4,3	Bốn, ba	C26TC	
30	2410110024	Đáy Minh Như	13/07/2006			3,8	Ba, tám	C26KT	
31	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006			5,2	Năm, hai	C26KT	

ST	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	2410170023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	Oanh		4,1	Bốn, một	C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 32 / 1.

Số sinh viên đạt: 29 Tỷ lệ đạt: 90,7%

Ngày 06 tháng 4 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Huyền

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Nguyên lý kế toán
Mã bài thi: 50ETTF
Thời gian thi: 31/03/2025 15:15:00
Thời gian kết thúc: 31/03/2025 16:15:00

Giám thị 1: [Signature] Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: [Signature] Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TC	
2	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C25LG2	
3	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26KT	
4	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26TC	
5	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26KT	
6	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26KT	
7	2410110004	Bạch Văn Hai	22/02/1996	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C26KT	
8	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26KT	
9	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn, năm	C26TC	
10	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
11	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26KT	
12	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26KT	
13	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
14	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26KT	
15	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TC	
16	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
17	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26TC	
18	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C25LG1	
19	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26KT	
20	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26KT	
21	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
22	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26KT	
23	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn, năm	C24TC1	
24	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	<u>[Signature]</u>	4.5	Bốn, năm	C25LG1	
25	2410120030	Vi Thị Ngọc	15/03/1995	<u>[Signature]</u>	3.2	Ba, hai	C26TC	
26	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TC	
27	2410120012	Nguyễn Thị Yên Nhi	05/11/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TC	
28	2410120022	Nguyễn Thị Yên Nhi	16/05/2006	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C26TC	
29	2410120019	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	12/02/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26KT	
30	2410110024	Đáy Minh Như	13/07/2006	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26KT	
31	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26KT	
32	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 32

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 06 tháng 4 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)
[Signature]
Trần Thị Hoa

Ngày 05 tháng 4 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)
[Signature]
Trần Thị Huyền

DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
Học kỳ 2 năm học 2024-2025
MÃ ĐỀ: 50ETTF

ST T	Mã số SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm số	Mã lớp	Kết quả SV trả lời câu hỏi NLKT.TUYEN 13	Chênh lệch	Tổng cộng điểm	Ghi chú (Điểm làm tròn)
1	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	5,2	C26TC	Đúng	0	5,2	5.2
2	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	6,2	C26KT	Đúng	0	6,2	6.2
3	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	6,5	C26TC	Đúng	0	6,5	6.5
4	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	6	C25LG2	Đúng	0	6	6
5	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	6,2	C26KT	Sai	0,25	6,45	6.5
6	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996	9,2	C26KT	Đúng	0	9,2	9.2
7	2410110001	Fa Ti Hách	16/8/2001	8	C26KT	Đúng	0	8	8
8	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	5,5	C26KT	Đúng	0	5,5	5.5
9	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	5,5	C26TC	Đúng	0	5,5	5.5
10	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	4,5	C26TC	Đúng	0	4,5	4.5
11	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	8	C26KT	Đúng	0	8	8
12	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	5,2	C26KT	Đúng	0	5,2	5.2
13	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	5,5	C26TC	Sai	0,25	5,75	5.8
14	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	6	C26KT	Đúng	0	6	6
15	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	6,8	C26TC	Đúng	0	6,8	6.8
16	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	5,5	C26TC	Sai	0,25	5,75	5.8
17	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	5,2	C26TC	Đúng	0	5,2	5.2
18	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	5,5	C25LG1	Đúng	0	5,5	5.5
19	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	6,8	C26KT	Đúng	0	6,8	6.8

20	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	4	C26KT	Đúng	0	4	4
21	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	5,5	C26TC	Đúng	0	5,5	5.5
22	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/6/2006	3,5	C26KT	Sai	0,25	3,75	3.8
23	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	4,5	C24TC1	Sai	0,25	4,75	4.8
24	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	4,5	C25LG1	Sai	0,25	4,75	4.8
25	2410120030	Vì Thị Ngọc	15/03/1995	3,2	C26TC	Sai	0,25	3,45	3.5
26	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000	4	C26TC	Đúng	0	4	4
27	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006	5,2	C26KT	Sai	0,25	5,45	5.5
28	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006	6	C26TC	Đúng	0	6	6
29	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006	4	C26TC	Sai	0,25	4,25	4.3
30	2410110024	Đầy Minh Như	13/07/2006	3,5	C26KT	Sai	0,25	3,75	3.8
31	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	5,2	C26KT	Đúng	0	5,2	5.2
32	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	3,8	C26KT	Sai	0,25	4,05	4.1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2025

PHÓ TRƯỞNG KHOA



ThS. Trần Thị Hoa

GIẢNG VIÊN



Trần Thị Tuyền

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QL.

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC		7,5	Bảy, năm	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC		8,5	Tám, năm	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC		7,5	Bảy, năm	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC		7,0	Bảy	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC		7,5	Bảy, năm	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC		6,0	Sáu	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC		6,5	Sáu, năm	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC		6,8	Sáu, tám	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC		7,5	Bảy, năm	
10	2410120030	Vĩ Thị	Ngọc	15/03/1995	C26TC		6,0	Sáu	
11	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC		8,0	Tám	
12	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC		7,0	Bảy	
13	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC		7,0	Bảy	
14	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC		6,5	Sáu, năm	
15	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC		7,0	Bảy	
16	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC		8,7	Tám, bảy	
17	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC		7,0	Bảy	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC		7,0	Bảy	
19	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC		6,5	Sáu, năm	
20	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC		6,0	Sáu	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC		7,5	Bảy, năm	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trình	06/10/2006	C26TC		6,5	Sáu, năm	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trình	15/11/2006	C26TC		8,0	Tám	
24	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC		7,5	Bảy, năm	
25	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC		7,0	Bảy	
26	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC		7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / .

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Ngày 24 tháng 02 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa


Trần Thị Nguyễn





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1-8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy, năm	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
10	2410120030	Vì Thị	Ngọc	15/03/1995	C26TC	<i>[Signature]</i>	5,5	Năm, năm	
11	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám	
12	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
13	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
14	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
15	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
16	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám	
17	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
19	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
20	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,2	Bảy, hai	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn	Trình	06/10/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trình	15/11/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	6,8	Sáu, tám	
24	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám	
25	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám	
26	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0. Số bài thi: 26 / _____.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Nguyễn

TRƯ

K



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,5	Tám, năm	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		8,0	Tám	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		7,5	Bảy, năm	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		6,5	Sáu, năm	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
7	2410110023	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		5,0	Năm	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		7,0	Bảy	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		6,5	Sáu, năm	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		5,5	Năm, năm	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		7,0	Bảy	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		5,5	Năm, năm	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		6,0	Sáu	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		7,0	Bảy	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006	C26KT		8,0	Tám	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT		6,0	Sáu	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		5,0	Năm	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		6,0	Sáu	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		8,0	Tám	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		5,0	Năm	
23	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		6,0	Sáu	
24	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		5,5	Năm, năm	
25	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT		7,3	Bảy, ba	
26	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT		7,0	Bảy	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Tuyền</i>	6,5	Sáu, năm	
28	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyên</i>	7,0	Bảy	
29	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 0. Số bài thi: 29 / 1.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Khanh
Trần Thị Hoa

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mu
Trần Thị Huyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT	<i>nm</i>	8,5	Tám, năm	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT	<i>gnt</i>	7,0	Bảy	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT	<i>Hai</i>	8,5	Tám, năm	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT	<i>h</i>	8,3	Tám, ba	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT	<i>h</i>	7,0	Bảy	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT	<i>h</i>	8,5	Tám, năm	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT	<i>tm</i>	6,0	Sáu	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT	<i>m</i>	7,0	Bảy	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT	<i>l</i>	7,0	Bảy	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT	<i>l</i>	6,0	Sáu	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT	<i>my</i>	7,0	Bảy	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT	<i>nh</i>	6,0	Sáu	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT	<i>nh</i>	7,0	Bảy	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT	<i>nh</i>	7,0	Bảy	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT	<i>Oanh</i>	7,5	Bảy, năm	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT	<i>quy</i>	8,3	Tám, ba	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT	<i>s</i>	7,0	Bảy	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT	<i>s</i>	6,0	Sáu	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT	<i>th</i>	7,5	Bảy, năm	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT	<i>th</i>	7,0	Bảy	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT	<i>th</i>	7,5	Bảy, năm	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT	<i>d</i>	5,0	Năm	
23	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT	<i>tr</i>	7,0	Bảy	
24	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT	<i>tri</i>	6,5	Sáu, năm	
25	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005	C26KT	<i>duy</i>	8,3	Tám, ba	
26	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>tr</i>	7,0	Bảy	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT		7,0	Bảy	
28	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT		6,8	Sáu, tám	
29	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT		6,0	Sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 0. Số bài thi: 29 / 1.

Ngày: 15 tháng 01 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 24 tháng 02 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN L2

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110017	Nguyễn Thị Kim Hoa	20/1/2005	C26KT	✓	✓	✓	
2	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám, ba	
3	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám, ba	
4	2410110026	Lê Khánh Trân	09/05/1988	C26KT	✓	✓	✓	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 02 . Số bài thi: 02 / _____.

Ngày: 24 tháng 02 năm 2025

Ngày: 24 tháng 02 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

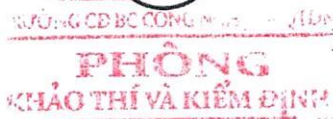
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

[Signature]

Trần Thị Hoa

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1-8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110017	Nguyễn Thị Kim Hoa	20/1/2005	C26KT	✓	✓	✓	
2	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy	
3	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy rưỡi	
4	2410110026	Lê Khánh Trân	09/05/1988	C26KT	✓	✓	✓	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 02 . Số bài thi: 02 / _____.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hoa

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003	C23QT6				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 01 . Số bài thi: 0 / _____.Ngày: 15 tháng 12 năm 2025.Ngày: 24 tháng 02 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003	C23QT6				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 01 . Số bài thi: 0 / 1 .

Ngày 11 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A18

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		6,5	Sáu, năm	
2	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 02 vắng thi: 0. Số bài thi: 02 / _____.Ngày: 15 tháng 02 năm 2025Ngày: 24 tháng 02 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Tuyền

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		7,0	Bảy	
2	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		8,0	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 02 vắng thi: 0 Số bài thi: 02 / _____.Ngày: 12 tháng 02 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị HoaNgày: 12 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2	<i>Đạt</i>	6,0	Sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 01 / _____.

Ngày 15 tháng 02 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 24 tháng 02 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2	<u>Đạt</u>	<u>7/10</u>	<u>Bảy</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 Số bài thi: 01 / _____.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A 1.8

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	C24TC1	<u>Nam</u>	<u>6,0</u>	<u>Sáu</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 01 / _____.Ngày: 15 tháng 02 năm 2025Ngày: 24 tháng 02 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Nam
Trần Thị Hoa

TMT
Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1-8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	C24TC1	<u>Nam</u>	<u>6,5</u>	<u>Sáu, năm</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / _____.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nam
Trần Thị Hân

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

mm
Trần Thị Tuyền



Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002	C24QT5		7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / _____.

Ngày 15 tháng 02 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 24 tháng 02 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: 24211MH110403603 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002	C24QT5		7/10	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / _____.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền